

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

BÁO CÁO TỔNG KẾT
DỰ ÁN

**XÂY DỰNG MÔ HÌNH TRỒNG MỚI VÀ THÂM CANH,
CHÈ, VẢI, NHÃN TRÊN ĐẤT ĐÔI GÒ TẠI HUYỆN PHỔ
YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thái Nguyên 12/2002

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

BÁO CÁO TỔNG KẾT

**DỰ ÁN
XÂY DỰNG MÔ HÌNH TRỒNG VÀ THÂM CANH VẢI, NHÃN,
CHÈ TRÊN ĐẤT GÒ ĐỒI TẠI HUYỆN PHỐ YÊN**

*Thuộc chương trình xây dựng mô hình ứng dụng khoa học và
công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội Nông thôn và
Miền núi giai đoạn 1998 - 2002.*

Cấp quản lý: Bộ Khoa học công nghệ và môi trường.

Cơ quan chủ quản: UBND tỉnh Thái Nguyên.

Cơ quan thực hiện: Sở KH&MT tỉnh Thái Nguyên

Cơ quan chuyển giao công nghệ:

+ Trường đại học nông lâm Thái nguyên

+ Viện Nghiên cứu chè - Bộ NN&PTNT.

Thời gian thực hiện: từ tháng 7/ 2000 đến 12/ 2002.

THÁI NGUYÊN 12- 2002

MỞ ĐẦU

Dự án Xây dựng mô hình trồng và thâm canh vải, nhãn và chè trên đất gò đồi tại huyện Phố Yên tỉnh Thái Nguyên- thuộc Chương trình Xây dựng mô hình ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển KT-XH nông thôn và miền núi giai đoạn 1998 - 2002 được Bộ KH, CN & MT quyết định phê duyệt ngày 23/10/2000.

UBND tỉnh Thái Nguyên giao cho Sở KH, CN & MT thực hiện dự án, Viện nghiên cứu chè thuộc Bộ NN & PTNT và Trường đại học Nông lâm Thái Nguyên là các cơ quan chuyên giao công nghệ xây dựng các mô hình của dự án.

Được sự chỉ đạo và hỗ trợ của Chương trình NTMN- Bộ KH, CN & MT và sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan KH, CN, Sở NN & PTNT và chính quyền địa phương, sau 2 năm triển khai thực hiện dự án cho thấy việc lựa chọn địa bàn, mục tiêu, nội dung của dự án đã bám sát mục tiêu, yêu cầu của Chương trình đặt ra và phù hợp với nhiệm vụ phát triển KT-XH, phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu sinh thái, dự án đã đáp ứng được các yêu cầu:

- Xây dựng mô hình trình diễn tại địa bàn NTMN do chính người dân thực hiện với sự giúp đỡ của cán bộ KH, CN, những KTTB được các cơ quan KH, CN chuyển giao cho nông dân là thích hợp, phục vụ hiệu quả cho việc phát triển kinh tế và chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông lâm nghiệp đã được nông dân tiếp thu nhân rộng ra sản xuất.

- Góp phần xây dựng năng lực nội sinh tại các địa bàn nông thôn để tiếp nhận, duy trì và phát triển các kỹ thuật tiến bộ được chuyển giao làm động lực thúc đẩy phát triển KT-XH nông thôn và miền núi.

SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
THÁI NGUYÊN

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

I.1 SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN.

Với diện tích 354.163 ha, Thái Nguyên có nhiều loại đất khác nhau: Đất núi chiếm 48,4% diện tích tự nhiên, có độ cao trên 200 m, thích hợp cho việc phát triển lâm nghiệp trồng rừng nhưng cũng thích hợp cho các loại cây đặc sản, cây ăn quả và một phần cây lương thực cho nhân dân vùng cao. Đất đồi-gò chiếm 31,4% diện tích tự nhiên, đây là vùng đất xen kẽ giữa nông và lâm nghiệp. Đất đồi - gò ở một số vùng như Võ Nhai, Phú Bình và Phổ Yên có độ dốc từ 5 - 20⁰ phù hợp một cách lý tưởng cho phát triển cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm. Đất ruộng chiếm 12,4% diện tích tự nhiên. Trong tổng quỹ đất 354.163 ha: đất đã được sử dụng chiếm 64,28% bao gồm đất nông lâm nghiệp, đất khu dân cư và đất chuyên dùng. Một vấn đề đáng quan tâm là đất chưa sử dụng còn chiếm tới 35,72% đất tự nhiên trong đó có 1824 ha đất có khả năng sản xuất nông nghiệp, đây là một nhiệm vụ rất lớn đặt ra cho tỉnh Thái Nguyên phải khai thác sử dụng hiệu quả diện tích này.

Trong những năm gần đây với sự phát triển của kinh tế trang trại, cơ cấu cây trồng chuyển dịch theo hướng hiệu quả và bền vững, hiện tại độ che phủ rừng đạt trên 40% diện tích tự nhiên, diện tích cây ăn quả đạt 11.733 ha và giá trị sản lượng chiếm 5% trong ngành trồng trọt, diện tích chè đạt 14.538 ha năng suất đạt 62,65 tạ/ha và chiếm 11,27% giá trị sản lượng ngành trồng trọt. Các thành tựu khoa học và công nghệ đang được áp dụng mạnh mẽ vào sản xuất và đời sống trên các vùng đất đồi-gò: các giống cây con mới có năng suất chất lượng cao: giống chè Nhật Bản, Trung Quốc; cây vải Thanh Hà, cây nhãn Hương Chi, các giống gà mới...cùng với các quy trình kỹ thuật canh tác tiên tiến phù hợp, tuy nhiên sự phát triển mới này còn trong diện hẹp hạn chế, chủ yếu là cải tạo vườn tạp theo chiều hướng đa dạng hoá cây trồng đa mục tiêu, năng suất chất lượng và hiệu quả sản xuất chưa cao.

Với những đặc thù của tỉnh Thái Nguyên trong bối cảnh phát triển mới của nền kinh tế đất nước, đặc biệt là quy hoạch bố trí lại sản xuất nông lâm nghiệp ở địa phương nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững, thúc đẩy nền kinh tế phát triển mạnh hơn vào những năm tới, thì việc xây dựng các mô hình trình diễn ứng dụng KH-CN phát triển kinh tế trên đất đồi - gò, nhằm từng bước khai thác hợp lý các tiềm năng thiên nhiên và nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc ở nông thôn và miền núi là hết sức cấp thiết. Dự án lựa chọn 2 xã: Thành Công và Phúc

Thuận của huyện Phổ Yên là đặc trưng cho vùng đất đồi gò của tỉnh Thái Nguyên để xây dựng các mô hình trình diễn về thâm canh, trồng mới cây chè và cây ăn quả.

I.2 CĂN CỨ ĐỀ LỰA CHỌN DỰ ÁN.

- Căn cứ vào những nội dung định hướng của Chương trình trong quyết định số 1075/QĐ-KH ngày 14/8/1997 của Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường v/v ban hành quy chế tổ chức quản lý và chỉ đạo thực hiện chương trình xây dựng mô hình ứng dụng KH-CN phục vụ phát triển kinh tế-xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998-2002 và công văn số 3421/BKHCNMT- KH ngày 8/12/1999 về việc hướng dẫn chuẩn bị Dự án năm 2000.

- Căn cứ vào những điều kiện thực tế về tự nhiên, kinh tế và xã hội của 2 xã lựa chọn thực hiện dự án và các định hướng, kế hoạch phát triển KT-XH của huyện Phổ Yên và của Tỉnh Thái Nguyên.

- Các nội dung công nghệ triển khai xây dựng mô hình với mục đích:

+ Khai thác và sử dụng hiệu quả đất gò - đồi ở địa phương để phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả.

+ ứng dụng công nghệ tiên tiến kết hợp các công nghệ truyền thống để xây dựng mô hình phù hợp thiết thực với hoàn cảnh thực tế tại địa phương.

II. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KT-XH VÙNG DỰ ÁN.

II.1 KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KT-XH.

Để đáp ứng được yêu cầu, mục đích xây dựng các mô hình ứng dụng KH&CN trên địa bàn huyện Phổ Yên, vùng dự án lựa chọn 2 xã Phúc Thuận và Thành Công được coi là đại diện với các lý do:

- Là các xã miền núi trình độ dân trí và sản xuất, kinh tế còn nhiều hạn chế.

- Có tiềm năng về đất gò đồi và nguồn lao động nhưng chưa có điều kiện khai thác, sử dụng hiệu quả, như phát triển kinh tế bằng phát triển cây chè, cây ăn quả theo hướng thâm canh, chất lượng và năng suất cao.

- Là vùng có tính đa dạng, có điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và hệ thống giao thông thuận lợi hơn.

- Người dân có truyền thống lao động, tin tưởng vào các chủ trương đường lối đổi mới để phát triển KT-XH và có đội ngũ cán bộ chính quyền nhiệt tình, hăng hái hưởng ứng.

II.2 ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN.

- **Vị trí địa lý:** Thành Công và Phúc Thuận là 2 xã nằm cách huyện lỵ 7 km về phía tây nam, phía Bắc giáp huyện Đại Từ, phía Nam giáp huyện Sóc Sơn Hà Nội, phía Đông giáp xã Đắc Sơn và Vạn Phái, phía Tây giáp dãy núi Tam Đảo. Tổng diện tích tự nhiên là 81,105 km² (53,205 + 27,9).

-**Địa hình:** Vùng dự án nằm về phía đông dưới chân dãy núi Tam Đảo, địa hình chủ yếu là núi thấp và gò đồi xen giữa là các thung lũng.

-**Khí hậu thủy văn:** nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, có 2 mùa rõ rệt trong năm (Nhiệt độ trung bình năm: từ 22,3 đến 23,6 °C, Số giờ nắng trung bình năm: 1600 - 1750 giờ, Độ ẩm tương đối: 82 - 83%, Lượng mưa trung bình năm: 2020^{mm}). Hệ thống sông suối: địa hình nằm dưới chân dãy Tam Đảo cho nên có nhiều sông suối và thường gây ra lũ vào mùa mưa.

- **Đất đai:** Được chia ra thành 3 nhóm chính là: Nhóm đất ruộng: bao gồm các loại đất phù sa, đất dốc tụ và đất thung lũng. Tổng diện tích đất ruộng 3.325,5 ha chiếm 40%, hiện nay được sử dụng để trồng lúa, hoa màu lương thực và một số cây công nghiệp ngắn ngày; Nhóm đất đồi: Tổng diện tích đất đồi: 1668 ha chiếm 20%. Nhóm đất núi: chủ yếu là đất lâm nghiệp gồm rừng tự nhiên và rừng trồng.

II.3 ĐẶC ĐIỂM KT-XH.

- **Dân số:** Tổng số 25.733 người (PT: 12.792 và TC 12.941) có: 5.074 hộ.

Gồm các dân tộc chính: Kinh, Tày, Nùng, Dao... và một số dân tộc khác. Thuộc khu vực miền núi, nhưng có mật độ dân số tương đối đông khoảng 317 người /km² và có bản sắc dân tộc đa dạng.

-**Về lao động:** có 10.292 lao động, cơ cấu chủ yếu là lao động nông lâm nghiệp, lao động phổ thông chất lượng chưa cao.

-**Về cơ sở hạ tầng:** Hệ thống cơ sở hạ tầng như: đường giao thông, mạng lưới điện, trường học và y tế đã được xây dựng và phục vụ đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trong vùng. Về giao thông vẫn bị ảnh hưởng ngừng trệ nhiều bởi mưa lũ

- **Tình hình phát triển KT-XH.**

Bảng 1 : Hiện trạng sử dụng đất.

Hạng mục	Tổng số	Phúc Thuận	Thành Công
Tổng diện tích tự nhiên (ha)	8.110,5	5.320,5	2.790,0
I.Đất nông nghiệp	3.325,4	1.775	1.550
+ Đất trồng cây hàng năm	1.737,6	842,6	895
- Đất ruộng 2 vụ		234,9	320
- Đất ruộng 1 vụ		369,0	218
- Đất màu, cây hàng năm khác		238,7	357

+ Đất vườn tạp.	342,6	152,6	190
+ Đất trồng cây lâu năm	1.168,9	743,9	425
- Chè	973,9	593,9	380
- Cây vải nhãn	195	150	45
+ Đất mặt nước	76,3	36,3	40
II. Đất lâm nghiệp	3442,1	2.782,1	660
+ Rừng tự nhiên	1.045,79	824,79	221
+ Rừng trồng	2.396,31	1957,31	439
III. Đất chuyên dùng	443,1	263,1	180
IV. Đất ở nông thôn	186,3	97,3	89
V. Đất chưa sử dụng	713,6	402,6	311
+ Có khả năng chè	180	100	80
+ Có khả năng cây ăn quả	320	200	120

Là một vùng miền núi của huyện Phố Yên, nhưng lại có bình quân diện tích đất tự nhiên trên đầu người không cao ($315 \text{ m}^2/\text{người}$). Đất cho sản xuất nông nghiệp chiếm 40% ($130 \text{ m}^2/\text{người}$) và đất lâm nghiệp chiếm 42% diện tích tự nhiên. Đất chưa sử dụng có tiềm năng phát triển nông lâm nghiệp khoảng 500ha.

Bảng 2: Tình hình phát triển sản xuất một số cây trồng chính.

	Cây trồng	Phúc Thuận			Thành Công		
		DT (ha)	NS (tạ/ha)	Sl (tấn)	DT(ha)	NS (tạ/ha)	Sl (tấn)
1	Lúa cả năm	838,8	38	3.187,4	858	36	3.088,8
2	Ngô	210	40	840	160	36	576
3	Chè	594	50	2.970	380	32	1.120
4	Cây ăn quả (vải nhãn)	150	20	300	45	10	45

- Sản xuất cây lương thực là nguồn sản xuất chính tại địa phương, diện tích cây lương thực chiếm 21% diện tích tự nhiên, cây trồng chính là lúa và ngô. Đa số các diện tích lương thực đều có khả năng thủy lợi, năng suất lúa, ngô đạt mức bình quân chung của tỉnh (lúa 38 tạ/ha và ngô 40 tạ/ha).

- Sản xuất chè: trên địa bàn có 2 nông trường chè (Bắc Sơn và Quân Chu) cho nên việc học tập, tiếp thu TBKT phát triển cây chè của nông trường được thuận lợi, do đó từ lâu nhân dân đã phát triển khai hoang trồng chè và đến nay cây chè trở thành một nguồn thu nhập chính trong sản xuất. Tổng diện tích chè hiện nay là: 680ha. Chè được trồng trên đất đồi gò và một số trên đất vàm thấp, trồng bằng giống địa phương (trung du lá xanh), trồng từ hạt, đào đất theo rạch

và rắc hạt (rạch x rạch 0,8 - 1 m, cây x cây 5 - 7 cm). Đối với chè đòi chăm sóc chủ yếu là tủ gốc giữ ẩm và bón phân đạm sau khi hái, chè đất chân vàm được chăm sóc nhiều hơn bón thêm phân chuồng. Phòng trừ sâu bệnh bằng việc phun thuốc hoá học thường xuyên (8 - 9 lần/năm). Chế biến bằng công nghệ thủ công (lò sao tôn quay và máy vò mini) hiện nay hầu hết các hộ đều áp dụng công nghệ này. Hiện tại trên địa bàn có 2 mô hình thử nghiệm giống chè mới của Sở NN&PTNT : chè tuyết 1 ha và chè 777 1 ha.

- Cây vải nhãn: được trồng trong những năm gần đây, bằng việc nhân giống tại một số cây đã có tại địa phương (các giống vải Thanh Hà và nhãn Hương Chi), phần lớn được 3 - 5 tuổi, trồng trên đất đồi gò, do hạn chế chăm sóc và thường xuyên bị hạn cho nên sinh trưởng chậm, cho năng suất thấp hoặc chưa cho thu hoạch. Nhưng gần đây nhiều hộ đã có thu nhập từ 20 đến 45 trđ / năm từ cây ăn quả.

+Tình hình phát triển lâm nghiệp: Tổng số đất cho lâm nghiệp 3442 ha, trong đó có hơn 1000 ha là rừng tự nhiên (chủ yếu là rừng khoanh nuôi tái sinh, trữ lượng gỗ thấp) và hơn 2000 ha rừng trồng gồm rừng phòng hộ, chương trình 327... mật độ che phủ thấp chưa có khả năng khai thác sử dụng.

+Tình hình phát triển chăn nuôi: Chăn nuôi được phát triển theo tập quán truyền thống, nuôi trâu bò phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; lợn, gà để tự cấp tự túc thực phẩm sinh hoạt. Nhìn chung chăn nuôi chưa trở thành ngành sản xuất hàng hoá có thu nhập cao trong kinh tế nông hộ. Tổng đàn trâu, bò trong vùng: 6.742 con và đàn lợn: 8.200 con và gia cầm khoảng 150.000 con.

Tình hình thu nhập và đời sống nhân dân : Xét về cơ cấu sản xuất chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, và thu nhập chính là từ sản xuất lương thực và sản xuất chè, một phần từ cây ăn quả, còn các nguồn khác như chăn nuôi, lâm nghiệp và dịch vụ là chưa đáng kể đối với các hộ nông dân. Bình quân lương thực quy thóc/người/ năm gần 280 kg. Theo tính toán mức thu nhập bình quân /người/năm khoảng 2,1 đến 2,3 triệu đồng.

MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ CHUNG:

-Về thuận lợi:

+ Đất đai vùng dự án là đa dạng và phong phú, tiềm năng về đất đồi còn lớn. Có các yếu tố khí hậu và thời tiết, thủy văn thuận lợi đảm bảo cho việc phát triển nông lâm nghiệp, đặc biệt là cây chè và cây ăn quả trên đất đồi gò.

+Yếu tố quyết định và lâu dài đối với sự nghiệp phát triển KT-XH của vùng là truyền thống cách mạng và đoàn kết của các dân tộc trong cộng đồng, kinh nghiệm sản xuất cùng với khả năng tiếp thu TBKT vào sản xuất.

+ Có vị trí địa lý thuận lợi: lên phía bắc là nông trường Quân Chu và huyện Đại Từ, phía nam là trung tâm huyện Phổ Yên và quốc lộ 1A. Trên địa

bản có 2 nông trường chè và lâm trường Phúc Tân (bộ NN&PTNT) là những hỗ trợ tốt cho việc phát triển nông lâm nghiệp của vùng.

+Có cơ sở hạ tầng đồng bộ được xây dựng từ những năm trước đây, tạo đà cho việc phát triển KT-XH nói chung của vùng.

-Khó khăn:

+Là vùng thuộc địa bàn nông thôn miền núi còn nhiều hạn chế như: trình độ dân trí còn thấp, đời sống còn nhiều khó khăn, cơ sở hạ tầng chưa đầy đủ.

+Thiếu vốn đầu tư cho việc xây dựng các cơ sở hạ tầng đang xuống cấp, cho việc mở rộng và phát triển sản xuất.

+Cơ cấu sản xuất, cơ cấu sử dụng đất đai, lao động còn nhiều vấn đề bất hợp lý, đòi hỏi phải có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh mẽ mới có thể phát huy được các nguồn tiềm năng của vùng trong tương lai.

III. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

Xây dựng các mô hình ứng dụng KH-CN, chuyển giao kỹ thuật tiên bộ nhằm phát triển nông nghiệp, ổn định bền vững nông thôn, bảo vệ tài nguyên môi trường, khai thác sử dụng hợp lý có hiệu quả cao tiềm năng đất đai, lao động.

1. Xây dựng các mô hình ứng dụng TBKT: trồng mới 2 ha chè giống mới, thâm canh 30 ha chè, trồng 30 ha cây ăn quả (vải, nhãn) trên đất gò đồi.

2. Nhân rộng kết quả mô hình vào thực tế sản xuất phục vụ cho kế hoạch phát triển cây ăn quả và cây công nghiệp của tỉnh Thái Nguyên trên các vùng.

3. Nâng cao năng lực quản lý và trình độ kỹ thuật của cán bộ và nhân dân tại địa bàn thực hiện dự án thông qua việc tiếp thu và làm chủ các kỹ thuật, công nghệ được chuyển giao.

IV. NỘI DUNG VÀ QUY MÔ DỰ ÁN.

IV.1 TỔ CHỨC CÁC LỚP TẬP HUẤN KỸ THUẬT CHUYÊN GIAO CN.

Căn cứ vào các nội dung KH-CN được lựa chọn ứng dụng để xây dựng mô hình, các cơ quan chuyển giao KH-CN biên soạn, biên tập tài liệu về các quy trình kỹ thuật, công nghệ cụ thể phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế để tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho nông dân.

- Hình thức tập huấn: tổ chức các lớp tập trung để giảng dạy và theo dõi hướng dẫn kỹ thuật trong quá trình thực hiện các mô hình cho nông dân. Cấp

phát đầy đủ văn bản, tài liệu kỹ thuật để thuận lợi cho việc học tập, thực hành tại các hộ tham gia dự án.

-Yêu cầu về số hộ tập huấn: Tập huấn đầy đủ cho toàn bộ số hộ tham gia trực tiếp thực hiện các mô hình và các hộ nông dân trong vùng có nhu cầu tham dự, học tập.

IV.2 XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH.

1. Mô hình trồng mới 2 ha chè bằng giống mới : LDP1 & LDP2 là các giống mới được Viện nghiên cứu chè lai tạo từ các giống Đại bạch trà của Trung Quốc với Phú hộ của Việt Nam. Địa điểm: mỗi xã trồng 1 ha, có 28 hộ (Phúc Thuận 21 hộ, Thành Công 7 hộ).

2. Mô hình thâm canh 30 ha chè kinh doanh do Viện nghiên cứu chè chuyển giao công nghệ, Phúc Thuận : 20 ha, Thành Công 10 ha, tổng số có 107 hộ.

3. Trồng 30 ha cây vải Thanh Hà và nhãn Hương Chi, do Trường đại học Nông lâm chuyển giao công nghệ, cung cấp giống và vật tư, Phúc Thuận : 20 ha, Thành Công 10 ha, tổng số có 47 hộ.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

V.1 XÂY DỰNG ĐỀ CƯƠNG DỰ ÁN.

Thực hiện hướng dẫn của Bộ KH, CN & MT về việc tổ chức triển khai xây dựng dự án thuộc Chương trình NTMN, Sở KH, CN & MT đã ký kết các hợp đồng với các cơ quan KH, CN: Viện Nghiên cứu Chè, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên thực hiện điều tra, khảo sát, lựa chọn địa điểm, nội dung công nghệ và xác định các mô hình ứng dụng KH, CN.

Căn cứ các đề xuất và kết luận của các cơ quan KH, CN, Sở thống nhất với các cấp chính quyền địa phương (huyện, xã) và một số ngành liên quan lập đề cương dự án.

V.2 THÀNH LẬP BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN.

Căn cứ quyết định của Bộ KH, CN & MT phê duyệt triển khai dự án và hợp đồng thực hiện dự án giữa Sở KH, CN & MT Thái Nguyên với Bộ KH, CN & MT.

-Thành lập Ban quản lý dự án tại Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Thái Nguyên, bao gồm đại diện Sở KH-CN&MT - đơn vị chủ dự án, UBND huyện Phở Yên, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên, Viện Nghiên cứu Chè Phở Hộ, cán bộ của Sở theo dõi dự án. Mở tài khoản dự án.

-Thành lập Ban chỉ đạo dự án cấp huyện: UBND huyện Phở Yên thành lập ban chỉ đạo dự án tại huyện gồm: đại diện UBND huyện, Phòng KHMT huyện, UBND 2 xã Thành Công và Phúc Thuận để chỉ đạo trực tiếp triển khai dự án tại cơ sở.

-Xây dựng quy chế dự án, kế hoạch hoạt động triển khai, kiểm tra được đưa ra thảo luận, bàn bạc và thống nhất giữa cơ quan chủ trì, cơ quan chuyển giao KH-CN và địa phương huyện, xã.

Hàng quý Ban quản lý dự án họp để kiểm điểm công tác đã triển khai, rút kinh nghiệm và điều chỉnh những nội dung công việc phù hợp với điều kiện thực tế ở cơ sở và giải quyết những vấn đề phát sinh tại các hộ nông dân. Tổ chức các đợt kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện theo tiến độ và nghiệm thu đối với các mô hình kịp thời.

V.3 HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO C N VÀ CUNG CẤP GIỐNG, VẬT TƯ.

-Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên và Viện Nghiên cứu Chè Phở Hộ là các cơ quan chịu trách nhiệm điều tra, đánh giá và xây dựng nội dung các mô hình; Xây dựng các nội dung chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và tổ chức thực hiện việc triển khai dự án. .

-Các cơ quan chuyển giao công nghệ tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật và đảm nhiệm việc cung ứng toàn bộ vật tư, giống các loại theo nội dung dự án đã được thống nhất tới tận hộ nông dân.

-Trong quá trình triển khai các công việc của dự án thường xuyên có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan: Trường Đại học Nông lâm Thái nguyên, Viện nghiên cứu Chè Phở hộ, Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường, cán bộ chỉ đạo huyện trong việc hỗ trợ giải quyết các công việc cần thiết theo nội dung hoạt động của dự án.

- Giám sát theo dõi việc thực hiện dự án: Sở KH-CN&MT đã hợp đồng chuyên môn với một cán bộ kỹ thuật (Tiến sĩ chuyên ngành trồng trọt) để làm nhiệm vụ giám sát, theo dõi việc triển khai dự án tại cơ sở, đảm bảo theo đúng đề cương đặt ra và có thông tin kịp thời về tiến độ cho chủ nhiệm dự án.

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

VI.1 TỔ CHỨC TẬP HUẤN KỸ THUẬT CHO NÔNG DÂN.

-Đã tổ chức được 6 đợt tập huấn, mỗi đợt từ 1-2 ngày (mô hình chè tập huấn 1 ngày) cho gần 300 lượt nông dân tham gia dự án, biên soạn và in ấn gần 300 tập tài liệu về quy trình cho các hộ:

- + Giống chè và kỹ thuật thâm canh chè;
- +Trồng và thâm canh chè đạt năng suất cao;
- +Cải tạo nương chè năng suất thấp;
- +Kỹ thuật nhân giống, kỹ thuật thiết kế vườn , kỹ thuật trồng và chăm sóc vại nhãn.

- Bồi dưỡng và đào tạo cán bộ địa phương: kèm cặp và nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật và quản lý dự án cho 5 cán bộ địa phương. giúp cho UBND xã điều hành thực hiện dự án và quản lý mở rộng kết quả dự án.

Danh sách cán bộ xã được dự án đào tạo chuyên môn:

	Họ và tên cán bộ	Địa bàn chỉ đạo dự án
1	Nguyễn Đức Tấn	xã Thành Công
2	Nguyễn Văn Hùng	xã Thành Công
3	Nguyễn Đức Quỳnh	xã Thành Công
4	Dương Đình Sáu	xã Thành Công
5	Nguyễn Văn Cường	xã Thành Công

-Cán bộ kỹ thuật của các cơ quan chuyển giao công nghệ nhiệt tình và sát sao trong việc giúp bà con nông dân thực hiện theo đúng quy trình kỹ thuật trong việc trồng và thâm canh chè, vại, nhãn.

VI.2 CUNG ỨNG GIỐNG VÀ VẬT TƯ ĐẾN CÁC HỘ NÔNG DÂN.

Các loại cây giống và vật tư đều được các cơ quan KH&CN (Trường đại học NL và Viện nghiên cứu chè) chuẩn bị đầy đủ và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo nội dung đề cương đặt ra và được giao đúng thời vụ và đầy đủ đến tận các hộ dân tham gia dự án.

Tổng số giống vật tư dự án đã cấp cho các hộ :

-Giống các loại:

*+Giống chè (bầu): Tổng số 192.000 bầu.

Trong đó: cho trồng mới 2 ha là : 40.000 bầu; trồng dặm 32.000 bầu; Mở rộng mô hình 120.000 bầu cho 6 ha.

+Giống cây ăn quả: 11.400 cành chiết .

(trong đó: Vải Thanh Hà: 7.000, Nhãn Hương Chi: 4.400) .

+Giống hạt cốt khí 870 kg; Cây bóng mát 6.000 cây

-Vật tư gồm :

+ Đạm ure 13.425kg.

+Thuốc BVTV 316,25 kg.

+ Super lân 13.805 kg.

+ Kali 9.730 kg.

+ Phân hữu cơ 826.tấn.

Cho trồng mới và thâm canh chè: Phân hữu cơ 430.000 kg; Đạm ure 6.000kg; Super lân 4.400 kg; Kali 2.800 kg; Thuốc BVTV 166,25 kg; Giống hạt cốt khí 270 kg; Cây bóng mát 6.000 cây.

Cho trồng vải, nhãn: Phân hữu cơ 396.000 kg; Đạm ure 7.425 kg; Super lân 9.405 kg; Kali 6.930 kg; Vôi bột 9.900 kg; Hạt cốt khí 600 kg; Thuốc BVTV 150kg.

(Giá trị vật tư và giống các loại chiếm gần 80% kinh phí dự án).

Phương thức cung cấp giống và vật tư: Cơ quan KHCN phối hợp với cán bộ được phân công theo dõi chỉ đạo dự án của xã cùng thực hiện cấp giống, vật tư đến từng hộ nông dân, đảm bảo đúng tiến độ, thời vụ, chủng loại và chất lượng.

VI.3 XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH.

1. Mô hình trồng mới 2 ha chè giống mới.

Với tập quán canh tác chè từ lâu đời là trồng chè hạt giống chè Trung du bằng những biện pháp kỹ thuật chưa phù hợp vì vậy năng suất chè còn thấp. Với việc triển khai mô hình trồng chè giống mới (LDP₂, LDP₁) theo hình thức trồng cành giâm. Giống LDP₁ và LDP₂ là giống do Viện nghiên cứu Chè lai tạo từ cặp lai bố là giống PH₁(một giống năng suất rất cao) với mẹ là giống Đại Bạch trà (giống chè Trung Quốc có chất lượng rất tốt). Hai giống LDP₁ và LDP₂ mang được đầy đủ những gen tốt của bố và mẹ. Đây là giống có năng suất khá và chất lượng tốt, nó có thể đáp ứng được yêu cầu của người tiêu dùng hiện nay về chất lượng sản phẩm chè.

Các biện pháp kỹ thuật áp dụng (theo quy trình), một số biện pháp chính:

- Tiến hành thiết kế và đào rạch theo đường đồng mức, rạch sâu 40cm rộng 40 cm.
- Gieo hạt cốt khí vào tháng 4/2000, lượng giống (10 - 15 kg/ha) để có thể thu hoạch làm phân xanh khi trồng chè. Đồng thời trồng cây bóng mát(cây muồng) theo thiết kế.

- Trồng chè giống LDP₁, LDP₂: Tiêu chuẩn bầu: cây > 25 cm, có 6 - 8 lá độ hoá nâu 2/3 sạch sâu bệnh và cây trong túi bầu 10 x 15 cm hàn đáy đục lỗ. Khi trồng không làm vỡ bầu và giâm chặt xung quanh gốc.
- Thời vụ: trồng vào tháng 11/2000. (theo chỉ đạo của Viện chè)
- Sau khi trồng gặp khô hạn phải tưới đảm bảo độ ẩm.
- Chăm sóc chè được tiến hành theo qui trình hướng dẫn: đốn tạo hình ở độ cao thân chính 20 - 25 cm, cành bên 40 (khi cây có đường kính 0,7 - 1 cm) đốn lần 2 ở độ cao 45 cm, những lần đốn sau đốn cao hơn lần trước 5 cm, chè chưa đốn chỉ hái những búp trên 60 cm. Sau khi đốn lần 2 hái những búp dài 40 cm để tạo tán.
- Đốn và hái chè kinh doanh đảm bảo áp dụng đúng kỹ thuật (đặc biệt chế độ hái vụ xuân).

Bảng 3: Khả năng sinh trưởng của cây chè sau 24 tháng trồng.

Xã	Số hộ tham gia	Diện tích (ha)	Tỷ lệ sống	Đường kính gốc (cm)	Rộng tán (cm)	Cao cây (cm)	NS thực thu tấn/ha
Phúc Thuận	21	1 ha	90	2,5	65	62	1,2
Thành Công	7	1	85	2,2	60	60	1,2

Thực hiện mô hình các hộ đã tuân thủ theo đúng qui trình kỹ thuật đã được tập huấn vì vậy cây chè sinh trưởng rất tốt, chè sau trồng 1 năm đã có thể tiến hành đốn tạo hình (đường kính gốc 0,7 - 1 cm) và có thể hái tạo tán, đã có sản phẩm lứa đầu và đến năm thứ 2 cây chè đã sinh trưởng phát triển rất tốt tỷ lệ sống đạt 90% (xã Phúc Thuận) 85 % (xã Thành Công).

Cây chè sinh trưởng phát triển tốt đường kính gốc đạt từ 2,2 - 2,5 cm, chiều rộng tán 60 - 65 cm và đặc biệt sản lượng chè thu hoạch năm 2002 đạt 1,5 tấn (xã Phúc Thuận) 1,2 tấn (xã Thành Công). Trong khi đó các nương chè trồng hạt vẫn chưa cho thu hoạch và cây chè phát triển rất chậm.

Qua kết quả mô hình trồng mới giống chè LDP₁ và LDP₂ tại 2 xã Thành Công và Phúc Thuận đã khẳng định được ưu thế của trồng chè cành và đặc biệt với vai trò của giống mới (theo các hộ nông dân giá bán chè LDP₁, LDP₂ cao hơn chè cũ 1,2 - 1,5 lần) đã làm thay đổi tập quán canh tác trồng hạt và bằng giống Trung du. Chính vì vậy từ mô hình này đến nay diện tích chè trồng mới bằng giống LDP₁ và LDP₂ tại 2 xã đã tăng lên đáng kể.

Việc thực hiện mô hình trồng mới giống chè LDP₁, LDP₂ theo hình thức trồng cành đã đạt kết quả rất tốt nó khẳng định một giải pháp kỹ thuật mới và khả năng sinh trưởng của giống chè mới trên đất Phổ Yên nói riêng và Thái Nguyên nói chung chính vì thế mà nông dân ở vùng dự án đang có yêu cầu mở

rộng diện tích chè LDP₁, LDP₂. Các mô hình hình hộ phát triển rất tốt và bước đầu đã cho thu hoạch. Tuy nhiên mô hình vẫn tồn tại một số vấn đề cần khắc phục như mật độ cây bóng mát ở một số nương chè chưa đạt (quá thưa hoặc quá dày) cần phải tiến hành điều chỉnh kịp thời.

2. Mô hình thâm canh 30 ha chè .

Phúc Thuận và Thành Công là 2 xã có tổng diện tích chè tương đối lớn của huyện Phố Yên với giống Trung du, không có cây bóng mát, mật khoảng nhiều vì vậy năng suất rất thấp (4 - 6 tấn/ha) đặc biệt có những nương chè đang xuống cấp nghiêm trọng do chăm sóc không đúng qui trình kỹ thuật.. Các biện pháp kỹ thuật được cán bộ hướng dẫn cụ thể và các hộ thực hiện một cách nghiêm túc, từ khâu trồng cây bóng mát, trồng dặm đặc biệt là đốn hái, bón phân và chăm sóc theo đúng qui trình.

Lựa chọn chè có tuổi từ 10 năm trở lên áp dụng các biện pháp thâm canh.

Biện pháp kỹ thuật cơ bản: Tiến hành gieo hạt cốt khí vào những chỗ mất khoảng để tạo nguồn chất hữu cơ. Trồng cây bóng mát (muồng lá nhọn) để che bóng cho những nương chè, bón thêm lượng phân chuồng 20 - 30 tấn phân hữu cơ, tiến hành trồng dặm vào những chỗ mất khoảng bằng giống LDP₁, LDP₂ (tiêu chuẩn cây trồng dặm: bầu kích thước 15 x 18 cm, cây cao 50 - 60 cm) tiến hành đốn và hái chè theo đúng qui trình đặc biệt là chế độ hái chừa hợp lý qua các vụ chè khác nhau (vụ xuân chừa 2 lá, vụ hè chừa 1 lá và vụ thu hái sát cả). Phòng trừ sâu bệnh theo hướng IPM.

Kết quả thâm canh các mô hình hộ đều có sức sinh trưởng cao, tăng năng suất (do đầu tư theo đúng qui trình)

Bảng 4: Kết quả thực hiện mô hình thâm canh

Xã	Số hộ	Diện tích(ha)	NS trước dự án (Tấn/ha)	NS sau dự án (Tấn/ha)
Phúc Thuận	91	20	3	5,15
			4	6,30
			5	7,1
			6	8,0
Thành Công	16	10	3	5,05
			4	6,15
			5	7,00
			6	8,10

Các mô hình tại hộ đều tăng năng suất hơn đại trà 2 tấn/ha (năng suất thâm canh đến 8,1 tấn/ha, trong khi năng suất trung bình của chè Thái Nguyên là hơn 6 tấn/ha). Như vậy số lượng sản phẩm tăng lên do mô hình 30 ha trong 2 năm khoảng hơn 120 tấn. Do đã được tiến hành dặm những chỗ mất khoảng đảm bảo mật độ, trồng cây bóng mát và đặc biệt do các chủ hộ đã áp dụng theo đúng qui trình kỹ thuật do vậy sức sinh trưởng của cây chè tốt hơn rất nhiều: tăng dây tán lớn, cây chè ít sâu bệnh và năng suất tăng. Các chủ hộ đã nắm được kỹ thuật cơ bản để thâm canh cải tạo nương chè đạt năng suất cao.

3. Mô hình trồng 30 ha vải, nhãn.

Để tạo được mô hình trình diễn ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, nhằm phát triển kinh tế trên đất đồi gò, từng bước khai thác hợp lý tiềm năng thiên nhiên và nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc nông thôn và miền núi. Dự án đã chọn 2 xã Thành Công và Phúc Thuận làm nơi triển khai mô hình trồng mới vải, nhãn.

Bảng 5. Tình hình đăng ký và kết quả chọn hộ trồng cây ăn quả tại dự án

Địa điểm	Số hộ được chọn	Diện tích (ha)	Số cây trồng	
			Vải	Nhãn
Thành Công	20	10	1620	1680
Phúc Thuận	27	20	4775	1825
Tổng số	47	30	6395	3505

Các hộ đều canh tác đất gò đồi có độ dốc từ 5-15°, trong đó xã Phúc Thuận có địa hình dốc trên 5° chiếm tới gần 90% tổng số hộ tham gia dự án, phần lớn diện tích có độ sâu tầng đất từ 20 - 50 cm, thành phần dinh dưỡng nghèo hoặc trung bình. Do vậy trong kỹ thuật chỉ đạo thiết kế lô trồng, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây phải đầu tư công sức và phân bón nhiều thì cây mới có thể sinh trưởng và phát triển tốt.

Về giống: lựa chọn giống vải, nhãn có chất lượng cao nhất hiện nay tích hợp lại vải Thanh Hà và nhãn Hương Chi. Nguồn giống khai thác từ các cây vải đầu dòng đã được nghiên cứu đánh giá năm 2000 tại tỉnh Thái Nguyên, nhãn lấy từ các cây giống của Trường đại học Nông lâm. Hình thức nhân giống: bằng cành chiết là đáp ứng nhu cầu thời vụ của dự án và đảm bảo chất lượng giống.

Việc tổ chức tập huấn kỹ thuật được thực hiện ở từng xã, ngay ở thôn có số hộ tham gia dự án nhiều. Kết quả tất cả các đợt tập huấn 100% số hộ đều tham gia, đặc biệt ở xã Phúc Thuận có những hộ không được lựa chọn thực hiện dự án, nhưng có nhu cầu đã tham gia lớp tập huấn để có kiến thức kỹ thuật tự chủ động triển khai.

Sau khi tập huấn kỹ thuật các hộ triển khai qui hoạch, thiết kế vườn theo kỹ thuật canh tác trên đất dốc bao gồm thiết kế hàng cây theo đường đồng mức,

làm bằng phân xanh bằng cách trồng cây cốt khí, 100% số hộ qui hoạch vườn đạt yêu cầu trong đó có trên 50% số hộ đạt kết quả tốt.

Việc đào hố và bón phân lót cho cây ăn quả đúng kỹ thuật là rất quan trọng vì cây ăn quả là cây lâu năm, trồng trên đất dốc, gần 90% số hộ đào hố và trên 75% số hộ bón phân lót đạt yêu cầu.

Thời vụ: trồng vào tháng 2-3 năm 2000.

Bảng 6. Số cây trồng và tỷ lệ cây sống tại vùng dự án

Nội dung	Thành Công	Phúc Thuận	2 xã
Kế hoạch trồng (cây)	3300	6600	9900
Thực hiện (cây)	3300	6600	9900
Tỷ lệ cây sống sau trồng (%)	86,88	90,42	89,25
Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm (%)	100,00	100,00	100,00
Tỷ lệ cây sống theo dự kiến (%)			90-95

Kết quả kiểm tra sau trồng 2 tháng tỷ lệ sống đạt 89,25%, sau đó đã tiến hành cung ứng ngay cây trồng dặm với các cây giống tốt, đến nay tất cả các hộ tham gia dự án đều đảm bảo số cây như đã đăng ký, không có hiện tượng mất khoảng, trống cây.

Bảng 7. Tình hình sinh trưởng của cây ăn quả tại vùng dự án

Chỉ tiêu	Thành Công		Phúc Thuận	
	Cây nhãn	Cây vải	Cây nhãn	Cây vải
Chiều cao trung bình (cm)	104,25	88,16	87,80	90,85
Đường kính tán trung bình (cm)	92,25	95,10	84,80	97,57
Đường kính gốc trung bình (cm)	9,00	8,58	9,12	8,21

Tình hình sinh trưởng của cây ăn quả tại các hộ là khả quan, các chỉ tiêu về độ rộng tán và đường kính gốc cây đều vượt so với dự kiến.

Bảng 8. So sánh các chỉ tiêu sinh trưởng (cây 2 tuổi)

So sánh	Cây vải			Cây nhãn		
	Cao cây (cm)	Rộng tán (cm)	ĐK gốc (cm)	Cao cây (cm)	Rộng tán (cm)	ĐK gốc (cm)
Dự kiến	90-100	70-100	2,0-2,5	130-150	60-80	1,0-2,5
Thực hiện	89,50	96,36	2,70	96,03	88,53	3,06

* Tất cả các hộ tham gia dự án đều thực hiện theo đúng kỹ thuật và kế hoạch về thời vụ, trong đó có 60% số hộ của Thành Công đạt loại khá và tốt, 88,89% số hộ của Phúc Thuận đạt loại khá và tốt.

VI.4 TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ.

-Tổng kinh phí: 550.trđ

-Kinh phí đã quyết toán:550 tr đ

Tình hình chi phí dự án:

	Nội dung công việc	Kinh phí (đ)
1	Mô hình trồng mới, cải tạo và thâm canh chè: -Đầu tư nguyên vật liệu năng lượng: 271.257.150đ -Điều tra,tập huấn, ...: 36.243.150 đ	307.500.300
2	Mô hình trồng cây ăn quả; vải, nhãn: -Đầu tư nguyên vật liệu năng lượng: 161.149.400đ -Điều tra,tập huấn, ...: 31.250. 000 đ	192.399.400
3	Chi phí quản lý, khác:	50.000.000

VI.5 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ DỰ ÁN.

-Sự phối hợp dự án giữa các cơ quan chuyển giao công nghệ là Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên và Viện Nghiên cứu Chè Phú hộ với chính quyền 2 xã Thành Công và Phúc Thuận là thống nhất và chặt chẽ trong việc điều hành, chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các nội dung dự án.

- Bằng những TBKT và công nghệ mới đưa vào xây dựng 3 mô hình sản xuất, dự án đã góp phần không nhỏ vào ổn định và cải thiện đời sống, tạo công ăn việc làm cho hàng trăm hộ nông dân, thay đổi bộ mặt nông thôn miền núi trong một thời gian ngắn, giúp cho huyện Phổ Yên những kinh nghiệm và thực tế khai thác sử dụng hiệu quả đất gò đồi.

- Dự án đã tạo nên 3 mô hình: trồng chè giống mới, thâm canh chè, trồng cây ăn quả với tổng số 68 ha, đã cho một số lượng sản phẩm không nhỏ (chè) cho những hộ tham gia dự án được hưởng thụ trực tiếp và đồng thời dự án tác động:

- Nâng cao năng lực tiếp thu và thực hiện ứng dụng tiến bộ kỹ thuật tại cơ sở, tại các hộ nông dân, tạo sự cuốn hút các hộ nông dân khác cùng tham gia.đào tạo được đội ngũ cán bộ KHKT tại cơ sở.
- Các mô hình đều đạt được mục tiêu đề ra, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế-xã hội ở Phổ Yên, tạo cơ hội cho các hộ dân tiếp thu những kiến thức khoa học công nghệ mới áp dụng vào sản xuất từng bước làm thay đổi tập quán truyền thống lạc hậu (thấy rõ nhất ở mô hình trồng mới chè bằng giống giâm cành) nâng cao hiệu quả sản xuất.

-Dự án sát thực với yêu cầu của sản xuất:

- Với mô hình trồng mới 8 ha chè tại hai xã việc thay đổi hình thức trồng hạt sang trồng cành với giống LDP₁ và LDP₂ đã khẳng định khả năng sinh trưởng của giống chè mới này trên địa bàn dự án. Bước đầu đã cho thu hoạch sản lượng chè tăng và đặc biệt chất lượng chè xanh tăng (so với giống trung du cao hơn 16.000-20.000đồng/ kg). Hiện nay bằng nhiều nguồn vốn khác nhau (vốn dự án, vốn tự có) diện tích chè LDP₁ và LDP₂ đã được nông dân tự trồng thêm đáng kể, tại thị xã Sông Công (kế cận vùng dự án) đã phát triển hàng chục ha rất tốt.
- Mô hình thâm canh và cải tạo nương chè: áp dụng các biện pháp kỹ thuật cơ bản để thâm canh chè mất khoảng năng suất thấp đã tạo cho sức sinh trưởng của cây chè tốt, sản lượng búp tăng rõ rệt (bình quân mô hình tăng 2 tấn/ha). Hiện nay đại đa số các hộ sản xuất trong vùng chè đã áp dụng quy trình kỹ thuật này để thâm canh nương chè, để kinh doanh chè hiệu quả hơn.
- Các hộ tham gia thực hiện mô hình trồng thâm canh với số lượng lớn (từ 165 cây trở lên) làm cơ sở cho việc mở rộng khai thác sử dụng đất gò - đồi trở thành một thế mạnh phát triển kinh tế của địa phương.

VII. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

VII.1. KẾT LUẬN

-Kết quả của dự án khẳng định việc cần thiết phải nhanh chóng đưa tiến bộ kỹ thuật vào nông thôn miền núi để phục vụ cho khai thác tiềm năng đất đai, lao động để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn, thúc đẩy sản xuất hàng hoá, phát triển kinh tế xã hội.

-Kết quả của dự án thể hiện sự quan tâm chỉ đạo của Bộ KH&CN, UBND tỉnh Thái Nguyên và sự nỗ lực của cơ quan thực hiện của Sở KH&CN&MT, sự phối hợp có hiệu quả của Viện Nghiên cứu Chè Phú Hộ, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên và sự chỉ đạo sát sao của UBND huyện Phô Yên cùng với chính quyền và nhân dân 2 xã Thành Công, Phúc Thuận.

-Việc lựa chọn địa bàn, mục tiêu, nội dung của dự án đã bám sát nội dung mục tiêu đề ra phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của các địa phương trên địa bàn tỉnh, với điều kiện đất đai khí hậu... từng vùng sinh thái, nên đã đáp ứng được các yêu cầu:

- Xây dựng mô hình trình diễn tại địa bàn nông thôn, miền núi do chính người nông dân thực hiện với sự giúp đỡ trực tiếp của cán bộ

KHKT, đó là những mô hình phù hợp để cho người dân có thể thực hiện và có khả năng nhân rộng ra sản xuất đại trà.

- Thông qua việc xây dựng các mô hình trình diễn để tuyên truyền, quảng bá phổ biến chuyển giao công nghệ thích hợp vào sản xuất ở những nơi có điều kiện tương tự.

-Các mô hình trình diễn đã có tác động sâu sắc về nhận thức và thực tiễn của công cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật công nghệ không những đối với đồng bào các dân tộc và còn cả với đội ngũ quản lý và khoa học kỹ thuật, là cơ sở để mở rộng việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ trên địa bàn miền núi của toàn Tỉnh. **Mô hình chính là thực hiện nhiệm vụ "khoa học đi trước một bước" để các chương trình kinh tế - xã hội khác và địa phương có cơ sở khoa học và thực tiễn nhân rộng rất phù hợp với yêu cầu và nguyện vọng của nông dân và địa phương.**

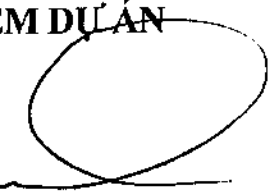
- Nhân dân và chính quyền địa phương 2 xã Thành Công và Phúc Thuận rất phấn khởi tiếp nhận dự án và tin tưởng dự án sẽ khai thác được thế mạnh của đất gò đồi, góp phần xoá đói giảm nghèo và phát triển kinh tế ở địa phương.

VII.2 ĐỀ NGHỊ

-Để góp phần phát triển kinh tế xã hội nông thôn miền núi, việc xây dựng các mô hình ứng dụng KH&CN là cần thiết, vì vậy Chương trình Nông thôn miền núi cần được tiếp tục triển khai trong những năm tới.

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN




GIÁM ĐỐC
PHẠM VĂN TÂN

ỦY BAN NHÂN DÂN
Tỉnh Thái Nguyên
Sở Khoa học Công nghệ
Và Môi trường

Số: 08/BB-NTMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 4 năm 2002.

BIÊN BẢN KIỂM TRA NGHIỆM THU MÔ HÌNH DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MIỀN NÚI HUYỆN PHỔ YÊN

Mô hình: Thâm canh trồng vải, nhãn trên đất đồi gò.

Thuộc dự án: "Xây dựng mô hình trồng mới và thâm canh chè, vải, nhãn tại huyện Phổ Yên tỉnh Thái Nguyên"

Địa điểm: Tại xã Thành Công và Phúc Thuận-huyện Phổ Yên.

Ngày kiểm tra: 6/11/2002.

Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường.

Cơ quan tham gia kiểm tra đánh giá:

- Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Thái Nguyên.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thái Nguyên.
- Sở Tài Chính-Vật giá Thái Nguyên.
- UBND huyện Phổ Yên.
- UBND xã thành Công và Phúc Thuận.
- Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên.

Nội dung kiểm tra:

1. Chủ nhiệm dự án: Giám đốc Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường báo cáo nội dung và tình hình triển khai thực hiện mô hình.

2. Nội dung kiểm tra thực tế tại địa bàn triển khai:

-Đoàn kiểm tra xem xét thực tế kết quả trồng mới vải, nhãn của các hộ dân tham gia dự án.

-Trao đổi, phỏng vấn trực tiếp các hộ nông dân về quy trình kỹ thuật, vật tư được cấp, cơ chế đầu tư và triển khai dự án, dự kiến năng suất, những thuận lợi khó khăn và các ý kiến đề xuất.

3. Đánh giá kết quả cụ thể của mô hình.

a. Về chuyển giao công nghệ:

-Tập huấn kỹ thuật: Tổ chức được 3 lớp, với 47 lượt người tham gia với các nội dung: Kỹ thuật nhân giống vải, nhãn; Kỹ thuật thiết kế vườn trồng; Kỹ thuật trồng và chăm sóc vải, nhãn.

-Ban chỉ đạo huyện, UBND 2 xã và cán bộ kỹ thuật thường xuyên theo dõi, hướng dẫn và chỉ đạo các hộ thực hiện theo đúng quy trình kỹ thuật trong quá trình triển khai xây dựng mô hình từ khâu ban đầu đào hố, chuẩn bị phân bón lót,

kỹ thuật trồng chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh,... các hộ đã nắm được kỹ thuật và chủ động thực hiện.

b. Tình hình đầu tư trực tiếp đến các hộ nông dân xây dựng mô hình, gồm:

-Chi phí tập huấn kỹ thuật: 6.970.000đ.

-Chi phí về giống, phân bón, thuốc BVTV: 202.857.150đ. Số lượng cụ thể như sau:

+Giống: 11.400 cây; +Phân hữu cơ: 396.000 kg; + Kali: 6.930 kg

+Đạm ure: 7.425 kg; +Super lân: 9.405kg; +BVTV: 150 kg

+Hạt cốt khí: 600kg; +Cây bóng mát: 6.000 cây; +Vôi bột: 9.900 kg

Việc cung ứng vật tư, giống được cơ quan chuyển giao công nghệ phối hợp với chính quyền địa phương, cán bộ kỹ thuật của xã tổ chức giao đến tận hộ dân, đảm bảo đúng chủng loại, số lượng, chất lượng và thời vụ.

c. Kết quả mô hình trồng vải, nhãn:

- Diện tích 30 ha.

- Tổng số hộ nông dân tham gia: 47 hộ.

-Thời gian trồng: Nhãn : tháng 2/2001; Vải: tháng 3/2001

-Giống: Vải thiều Thanh Hà và nhãn Hương Chi (bằng cành chiết).

Tỷ lệ cây sống: 9.900 cây (6395 cây vải; 3505 cây nhãn), đạt 86,84%.

Tình hình sinh trưởng: Sau trồng 22 tháng, sinh trưởng bình thường, một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

Đối với cây vải: Rộng tán bình quân đạt: 96cm; Đường kính gốc bình quân đạt: 2,7 cm; Cao cây: 90cm.

Đối với cây nhãn: Rộng tán bình quân đạt trên 88cm; Đường kính gốc đạt trên 3cm. Cao cây: 96cm.

Tại một số hộ như ông Nguyễn Đức Tấn, ông Nguyễn Văn Hùng - xã Phúc Thuận, cây sinh trưởng phát triển tốt, nhãn đã ra được 6 đợt lộc, vải ra được 5 đợt lộc.

Kết luận chung:

1. Một số kết quả của mô hình:

-Đạt được mục tiêu dự án đề ra về diện tích: 30 ha cây vải, nhãn, giống đảm bảo chất lượng và chủng loại.

-Làm thay đổi cơ cấu cây trồng trên đất đồi gò và cải tạo vườn tạp theo hướng nâng cao hiệu quả và bảo vệ môi trường. Trong những năm tới có khả năng sẽ cho thu nhập tăng dần và ổn định giúp cho việc phát triển kinh tế của nông hộ.

2. Nâng cao nhận thức khoa học công nghệ và quản lý sản xuất ở địa bàn dự án:

-Các hộ nông dân trong vùng về cơ bản đã nắm được kỹ thuật trồng, chăm sóc vải nhãn thông qua các lớp tập huấn kỹ thuật, chủ động trong sản xuất, làm cơ sở cho phát triển bền vững và mở rộng mô hình dựa trên:

+ Nâng vững kỹ thuật, kiến thức về khoa học công nghệ và trình độ quản lý được nâng cao.

+ Tạo điều kiện mở rộng các mô hình thành công, quảng bá cách làm ăn (áp dụng KHCN) tới các hộ khác trong vùng.

3. Đề nghị sở NN&PTNT, UBND huyện Phổ Yên hướng dẫn các hộ tiếp tục chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh và mở rộng mô hình để đạt được hiệu quả kinh tế và xã hội cao.

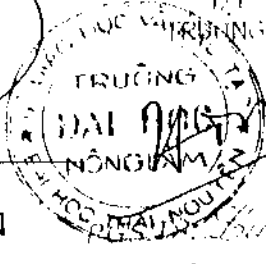
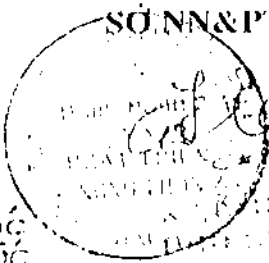
Biên bản đã được đoàn kiểm tra nhất trí thông qua.

SỞ TC-VG

SỞ NN&PTNT

SỞ KHCN&MT

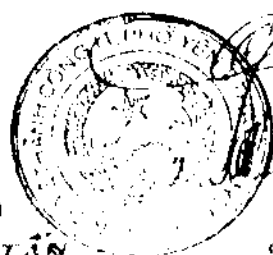
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP



UBND HUYỆN PHỔ YÊN

UBND XÃ PHÚC THIỆN

UBND XÃ THÀNH CÔNG



CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

PHẠM VĂN TÂN

ĐƯƠNG ĐÌNH BẢO

Số: 27/BB-NTMN

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 11 năm 2002.

BIÊN BẢN KIỂM TRA NGHIỆM THU MÔ HÌNH DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MIỀN NÚI HUYỆN PHỔ YÊN

Mô hình: Trồng mới và thâm canh chè trên đất đồi gò.

Thuộc dự án: "Xây dựng mô hình trồng mới và thâm canh chè, vải, nhãn tại huyện Phổ Yên tỉnh Thái Nguyên"

Địa điểm: Tại xã Thành Công và Phúc Thuận-huyện Phổ Yên.

Ngày kiểm tra: 6/11/2002.

Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường.

Cơ quan tham gia kiểm tra đánh giá:

-Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Thái Nguyên.

-Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thái Nguyên.

-Sở Tài Chính-Vật giá Thái Nguyên.

-UBND huyện Phổ Yên.

-UBND xã thành Công và Phúc Thuận.

-Viện Nghiên cứu Chè Phú Hộ-Phú Thọ.

Nội dung kiểm tra:

1. Chủ nhiệm dự án: Giám đốc Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường báo cáo nội dung và tình hình triển khai thực hiện mô hình.

2. Nội dung kiểm tra thực tế tại địa bàn triển khai:

-Đoàn kiểm tra xem xét thực tế kết quả trồng mới và thâm canh cải tạo tại nương chè của các hộ dân tham gia dự án.

-Trao đổi, phỏng vấn trực tiếp các hộ nông dân về quy trình kỹ thuật, vật tư được cấp, cơ chế đầu tư và triển khai dự án, dự kiến năng suất, những thuận lợi khó khăn và các ý kiến đề xuất.

3. Đánh giá kết quả cụ thể của mô hình.

a. Về chuyển giao công nghệ:

-Tập huấn kỹ thuật: Tổ chức được 4 lớp, với 185 lượt người tham gia với các nội dung: Giống chè và kỹ thuật giám canh chè; Trồng và thâm canh chè đạt năng suất cao; Cải tạo nương chè năng suất thấp.

-Ban chỉ đạo huyện, UBND 2 xã và cán bộ kỹ thuật thường xuyên theo dõi, hướng dẫn và chỉ đạo các hộ thực hiện theo đúng quy trình kỹ thuật trong quá trình triển khai xây dựng mô hình từ khâu ban đầu quy hoạch, đào rạch,

chuẩn bị phân bón lót, kỹ thuật trồng chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh,... các hộ đã nắm được kỹ thuật và chủ động thực hiện.

b. Tình hình đầu tư trực tiếp đến các hộ nông dân xây dựng mô hình, gồm:

-Chi phí tập huấn kỹ thuật: 7.383.000đ.

-Chi phí về giống, phân bón, thuốc BVTV: 229.549.400đ. Số lượng cụ thể như sau:

+Giống: 192.000 bầu; +Phân hữu cơ: 430.000 kg; + Kali: 2.800 kg

+Đạm ure: 6000 kg; +Super lân: 4.400 kg; +BVTV: 166,25kg

+Hạt cốt khí: 270 kg; +Cây bóng mát: 6.000 cây.

Việc cung ứng vật tư, giống được cơ quan chuyển giao công nghệ phối hợp với chính quyền địa phương, cán bộ kỹ thuật của xã tổ chức giao đến tận hộ dân, đảm bảo đúng chủng loại, số lượng, chất lượng và thời vụ.

c. Kết quả mô hình:

-Mô hình trồng mới: Tổng diện tích: 8ha (trong đó có 6ha là diện tích mở rộng, dự án đầu tư tập huấn, giống chè). Thời gian trồng: Tháng 11/2000 (Diện tích mở rộng trồng vào tháng 8-9/2002). Tổng số hộ được lựa chọn tham gia xây dựng mô hình: 120 hộ (xã Thành Công có 7 hộ với diện tích 1 ha; tại xã Phúc Thuận có 113 hộ với diện tích 7 ha). Toàn bộ mô hình được trồng bằng giống chè cành LDP1, LDP2. Tỷ lệ cây sống: đạt trên 85%; Đường kính gốc đạt từ 2,2-2,5cm; Độ rộng tán từ 65-70cm; Chiều cao cây đạt 60-62cm. Hầu hết các hộ đều đã thực hiện tốt quy trình kỹ thuật nên mô hình chè trồng mới phát triển rất tốt. Sau trồng 1 năm các hộ đã có thể hái tạo tán. Sau 2 năm sản lượng chè đã cho thu hoạch từ 1,2-1,5 tấn/ha (Gia đình nhà ông Nhân-Phúc Thuận đạt năng suất 1,5 tấn/ha). Giá bán chè LDP1 và LDP2 cao hơn chè cũ 1,2-1,5 lần. Vì vậy trong năm 2002, do yêu cầu của nông dân trong vùng được phát triển chè bằng giống mới, dự án đã mở rộng thêm 6ha chè trồng mới cho 92 hộ. Đến nay diện tích này đang phát triển tốt, tỷ lệ sống đạt rất cao.

-Mô hình cải tạo và thâm canh chè: Tổng diện tích: 30 ha. Tổng số hộ tham gia: 107 hộ (xã Phúc Thuận có 91 hộ với diện tích 20ha, xã Thành Công có 16 hộ tham gia với diện tích 10ha). Nhờ áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh như: Trồng xen cốt khí (tăng cường sự cố định đạm bổ sung cho đất), cây che bóng (mật độ 5m x 5m x 5m) và các biện pháp bón phân hợp lý: phân hữu cơ 20-30 tấn, trồng dặm những chỗ trống, biện pháp phòng trừ sâu bệnh và tiến hành đốn hái theo đúng quy trình kỹ thuật, đã cho thu hoạch có năng suất cao. So với đại trà năng suất tăng từ 50-70% (có hộ tăng từ 3 tấn/ha lên 5,15 tấn/ha; hộ tăng từ 6 tấn/ha lên 8,1 tấn/ha)

Kết luận chung:

1. Một số kết quả của mô hình:

- Các mô hình đạt được mục tiêu dự án đề ra, mô hình trồng mới chè đã mở rộng được 6 ha.

- Nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập, góp phần ổn định đời sống, đã góp phần đáp ứng được yêu cầu xoá đói giảm nghèo.

2. Nâng cao nhận thức khoa học công nghệ và quản lý sản xuất ở địa bàn dự án:

- Các hộ nông dân trong vùng về cơ bản đã nắm được kỹ thuật trồng, thâm canh cải tạo chè thông qua các lớp tập huấn kỹ thuật, chủ động trong sản xuất. Mô hình trồng mới và thâm canh cải tạo chè đã thu được kết quả có năng suất chất lượng cao hơn hẳn với các hình thức sản xuất truyền thống ở địa phương, làm cơ sở cho phát triển bền vững và mở rộng mô hình trên cơ sở:

+ Nắm vững kỹ thuật, kiến thức về khoa học công nghệ và trình độ quản lý được nâng cao.

+ Tạo điều kiện mở rộng các mô hình thành công, quảng bá cách làm ăn (áp dụng KHCN mới) tới các hộ khác trong vùng, phát huy thế mạnh trên đất đồi gò.

3. Đề nghị sở NN&PTNT, UBND huyện Phổ Yên và hai xã Thành Công, Phúc Thuận tiếp nhận, quản lý và tổ chức hướng dẫn các hộ tiếp tục thực hiện và mở rộng mô hình để đạt được hiệu quả kinh tế và xã hội cao.

Biên bản đã được đoàn kiểm tra nhất trí thông qua.

SỞ TC-VG

SỞ NN&PTNT

SỞ KH&CN&MT

VIỆN NC CHÈ PHÚ HỘ

UBND HUYỆN PHỔ YÊN

UBND XÃ PHÚC THUẬN

UBND XÃ THÀNH CÔNG

Số: 461 /QĐ-KCM

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 12 năm 2002

**QUYẾT ĐỊNH CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG KHCN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

V/v thành lập Hội đồng khoa học kỹ thuật nghiệm thu dự án.

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG KHCN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Căn cứ quyết định số 2953/QĐ-UB ngày 24/10/1998 của UBND, tỉnh Thái Nguyên về việc kiện toàn Hội đồng KHKT xét duyệt, nghiệm thu các đề tài, dự án, dự án sản xuất thử, ứng dụng công nghệ

- Căn cứ Quyết định số: 2017/QĐ-BKHCNMT, ngày 23/10/2000 của Bộ trưởng Bộ khoa học Công nghệ và Môi trường v/v Phê duyệt dự án: "Xây dựng mô hình trồng mới và thâm canh chè, vải, nhãn trên đất đồi gò tại Thái Nguyên"

- Căn cứ hướng dẫn của Văn phòng Chương trình NTMN tại văn bản số 53/BKHCN-NTMN ngày 02/10/2002 về trình tự nghiệm thu dự án NTMN.

- Xét đề nghị của Phòng quản lý KHCN - Sở KHCN & MT.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Hội đồng KHKT nghiệm thu dự án cấp Bộ (thuộc chương trình NTMN) tại Tỉnh: "Xây dựng mô hình trồng mới và thâm canh chè, vải, nhãn trên đất đồi gò tại Thái Nguyên" do Sở KHCN & MT Thái Nguyên và các cơ quan chuyển giao công nghệ: Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên và Viện Nghiên cứu Chè Phú Hộ tổ chức thực hiện. Thành viên Hội đồng theo quyết định số 2953/ QĐ-UB ngày 24/10/1998, quyết định 964/QĐ-UB ngày 11/4/2002 của UBND tỉnh Thái Nguyên và bổ xung thêm các thành viên có danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ đánh giá, nghiệm thu dự án theo đúng quy định của nhà nước. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, Hội đồng tự giải thể.

Điều 3. Ông Trưởng phòng Quản lý KHCN- Sở KHCN & MT, các thành viên trong Hội đồng và các đơn vị thực hiện dự án có nhiệm vụ thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (TH)

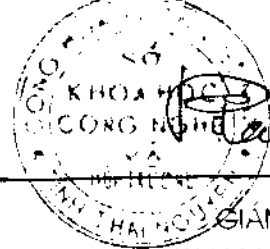
- Lưu VP-HCTC

KT. CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG KHCN TỈNH THÁI NGUYÊN

PHÓ CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ KH&CN&MT



GIÁM ĐỐC
PHẠM VĂN TÂN

**DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG KHOA HỌC KỸ THUẬT
NGHIỆM THU DỰ ÁN**

***"Xây dựng mô hình trồng mới và thâm canh chè, vải, nhãn trên đất đồi
gò tại Thái Nguyên"***

(Theo quyết định số : *461* /QĐ-KHCN ngày 20/12/2002
Thường trực hội đồng KHCN tỉnh Thái nguyên)

*Theo quyết định số 2953/QĐ-UB ngày 24/10/1998 và quyết định số 964/QĐ-UB
ngày 11/4/2002 của UBND tỉnh Thái Nguyên và Quyết định số: 461/QĐ-KCM
ngày 20/12/2002 bổ sung các thành viên:*

Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức vụ trong HĐ
1 Đ/c Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Chủ tịch Hội đồng
2 KS Trần Mạnh Hải	Trưởng phòng QLKHCN Sở KHCN&MT	Thư ký HĐ.
3 KS Đỗ Ngọc Bách	Phó Giám đốc Sở KHCN&MT	Ủy viên thường trực HĐ.
4 Đ/c Nguyễn Đình Bằng	GD Sở Tài Chính-Vật Giá	Ủy viên HĐ.
5 Th.S. Dương Văn Lành	PGD Sở NN&PTNT	Phản biện 1
6 Th.S. Nguyễn Thị Nga	TP Kế hoạch, Sở NN&PTNT	Phản biện 2
7 KS. Nguyễn Ngọc Hoà	TP Kỹ thuật, Sở NN&PTNT	Ủy viên HĐ.

(Danh sách gồm 07 người)

Sở KH, CN & MT
Số: 54/BB-KCM

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 2 năm 2003

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHCN TỈNH
NGHIỆM THU DỰ ÁN.

1. Tên dự án: **Xây dựng mô hình trồng và tham canh vải, nhãn, chè trên đất gò - đồi tại huyện Phổ Yên.**

2. Cơ quan thực hiện: Sở khoa học, công nghệ và môi trường.

3. Quyết định thành lập Hội đồng KHKT nghiệm thu đề tài cấp tỉnh số: 461/QĐ- KHCN ngày 20 tháng 12 năm 2002.

4. Ngày họp Hội đồng: 24/2/2003.

5. Danh sách các thành viên Hội đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ, Đơn vị công tác	Cương vị trong HĐ
1	D/c Nguyễn.T.Phương Thảo	PCT UBND tỉnh Thái Nguyên	Chủ tịch
2	KS Đỗ Ngọc Bách	PGD Sở KH,CN&MT	UVT/Trực
3	KS Trần Mạnh Hải	TP QL KHCN- Sở KH,CN&MT	Thư ký
4	ThS Dương Văn Lành	Phó GD Sở NN&PTNT	P/biện 1
5	ThS Nguyễn Thị Ngà	TP kế hoạch- Sở NN&PTNT Phó ban T/T đề án chè tỉnh	P/biện 2
6	CN Nguyễn Đình Bằng	Giám đốc Sở tài chính- vật giá	ủy viên
7	KS Nguyễn Ngọc Hòa	TP kỹ thuật NLN- Sở NNPTNT Phó CN T/T chương trình CAQ tỉnh	ủy viên

a. Có mặt: 7 người

b. Vắng : 0 người

6. Khách mời:

- Cơ quan thực hiện đề tài: Sở KH,CN&MT Thái Nguyên

Viện nghiên cứu chè- Bộ NN&PTNT.

Trường đại học nông lâm Thái Nguyên.

7. Người trình bày báo cáo:

- Họ tên: TS Phạm Văn Tân - Chủ nhiệm dự án.
Giám đốc Sở KH,CN&MT

8. Kết quả đánh giá:

- Số phiếu phát ra: 7. Số phiếu hợp lệ: 7.
- Suất xác: 7 p.

9.Đánh giá của Hội đồng.

1/ Đánh giá của các phản biện:

a. ThS Dương Văn Lành: Dự án phù hợp với định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn của tỉnh đồng thời ứng dụng KH&CN giải quyết những vấn đề bức xúc trong việc khai thác sử dụng đất đồi gò để phát triển cây công nghiệp (chè) là một thế mạnh kinh tế của tỉnh. Dự án đã lựa chọn các TBKT, nội dung và quy mô mô hình, địa điểm rất phù hợp và sát thực với nhu cầu và nguyện vọng của nông dân khu vực nông thôn và miền núi. Kết quả các mô hình có tính thuyết phục cao: cho thu nhập kinh tế cao rõ rệt (các mô hình chè), tạo cơ sở vật chất và KHCN to lớn cho địa phương (đào tạo được 5 cán bộ cơ sở), những TBKT được nông dân tiếp thụ và nắm vững chủ động tự triển khai ra sản xuất- đây là một yếu tố thành công cơ bản của dự án. Đánh giá cao kết quả của dự án.

b. ThS Nguyễn Thị Nga: Phát triển chè và cây ăn quả (vải nhãn) đang là vấn đề quan trọng cần giải quyết ở Thái Nguyên là phát triển về số lượng diện tích để tạo vùng hàng hóa đồng thời phải rất chú trọng đến giống mới có chất lượng cao, dự án đã giúp cho ngành có cơ sở khoa học và thực tế về cách tổ chức khai thác đất gò đồi và đưa các giống cây chất lượng cao vào sản xuất, đặc biệt là giống chè LDP1,2. Những mô hình dự án rất phù hợp với nông thôn Thái Nguyên về quy mô, hình thức tổ chức thực hiện. Kết quả của dự án là to lớn: gần 70 ha mô hình chất lượng cao và hơn 300 hộ nông dân được hưởng thụ, các mô hình ngày càng được người dân tự mở rộng ra sản xuất bằng những TBKT được dự án trang bị. Dự án đạt kết quả xuất sắc.

2/ Các ý kiến khác: nhất trí cao với các phản biện, và cho rằng dự án đã hoàn thành tốt các mục tiêu đề ra, cần nhanh đưa vào sản xuất đại trà của tỉnh, như giống chè mới, thâm canh chè. Đối với mô hình cây ăn quả cần giao cho địa phương tiếp tục theo dõi và chỉ đạo kỹ thuật giúp bà con nông dân trong những năm tới đến khi có thu hoạch để đánh giá đầy đủ về kết quả mô hình.

3/ Kết luận của Chủ tịch Hội đồng

- a. Về tính Khoa học và công nghệ của công trình nghiên cứu: Dự án có tính khoa học và thực tiễn cao, phù hợp với hoàn cảnh thực tế về địa điểm, mục tiêu, nội dung và lựa chọn các cơ quan chuyển giao công nghệ.
- b. Khả năng triển khai và ứng dụng vào thực tế: các mô hình rất thiết thực cho việc phát triển kinh tế các hộ nông dân, do đó trong khi còn đang triển khai đã có nhu cầu mở rộng sản xuất và hiện nay đa số các hộ trong vùng đều có sản xuất chè và cây ăn quả đã áp dụng các TBKT của dự án.
- c. Hiệu quả kinh tế – xã hội: Dự án tạo nên cơ sở vật chất và KHCN lớn cho các nông hộ và địa phương ở 2 xã Phúc Thuận và Thành Công, nhiều hộ dân đã được hưởng thụ kết quả dự án nông cao thu nhập kinh tế và hiệu quả sử dụng đất đai. Dự án có ảnh hưởng lớn đến phát triển KT-XH ở địa phương.
- d. Nghiệm thu dự án, đánh giá loại xuất sắc

10. Kiến nghị của Hội đồng: Bàn giao các mô hình và kết quả KHCN của dự án cho UBND huyện Phổ Yên, 2 xã Phúc Thuận và Thành Công quản lý và theo dõi đánh giá và tổ chức khuyến cáo mở rộng sản xuất cho những địa bàn thích hợp

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG


Trần Mạnh Hải

TM. HỘI ĐỒNG

